TÒA ÁN NHÂN DÂN **QUẬN NAM TỪ LIÊM** **THÀNH PHỐ HÀ NỘI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: **193**/2020/QĐST-HNGĐ	*Nam Từ Liêm, ngày 12 tháng 6 năm 2020*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án Hôn nhân & gia đình thụ lý số: 160/2020/TLST-HNGĐ ngày 11 tháng 5 năm 2020, giữa:

Nguyên đơn: **Chị Trần Thị N, sinh năm 1992**;

Địa chỉ: Số 38/55 phố C, phường N, quận T, thành phố H.

Bị đơn: Anh Nguyễn Đình T, sinh năm 1988.

Đia chỉ: Số 5, tổ dân phố Đ, phường Đ, quận N, thành phố H.

Căn cứ vào các Điều 212; 213; Khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng Dân sự.

Căn cứ vào các Điều 55; 81; 82; 83 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào Điểm a Khoản 5, Điểm a, b Khoản 6 Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/ UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án.

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 04 tháng 6 năm 2020.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 04 tháng 6 năm 2020 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1/ Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa: Chị Trần Thị N và anh Nguyễn Đình T.

2/ Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

Về con chung: Chị Trần Thị N và anh Nguyễn Đình T có hai con chung là: Cháu Nguyễn Đình Anh K, sinh ngày 09/9/2012 và cháu Nguyễn Ngọc H, sinh ngày 01/4/2016. Giao cháu K cho anh T trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng, giao cháu H cho chị M trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cháu, không bên nào phải cấp dưỡng nuôi con cho bên nào.Anh T, chị N có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung, không ai được ngăn cản.

Về tài sản chung, nợ chung: Chị N và anh T không có tài sản chung và nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về án phí: Chị Trần Thị N tự nguyện nộp cả 300.000 đồng *(Bằng chữ: Ba trăm nghìn đồng)* án phí ly hôn sơ thẩm. Ghi nhận chị N đã nộp 300.000 đồng *(Bằng chữ: Ba trăm nghìn đồng)* tạm ứng án phí tại Chi cục Thi hành án dân sự quận Nam Từ Liêm *(Biên lai số AK/2010/0009282 ngày 07/5/2020)*, nay chuyển thành án phí. Chị N đã nộp đủ án phí.

3/ Quyết định này có hiệu lực ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

THẨM PHÁN

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND quận Nam Từ Liêm;
- Chi cục THADS Q.Nam Từ Liêm;
- UBND phường Đại Mỗ, quận Nam Từ Liêm, TP Hà Nội;
- Lưu HS, VP.

Trần Thị Nhâm